NĂM THỨ NĂM SỐ 200 Thứ năm, tháng Tám 1948

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1$20

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 200

Xin soi gương cổ — *Nam-sử-Thị*
Một vị danh thần triều Nguyễn (III) — *Trúc-Khê*
Những ông nghè triều Lê (CXIV) — *Nguyễn-văn-Tố*
Đại-nam dật sự (LXVIII) — *Ứng-hòe*
Người Việt-nam dưới mắt một bọn nhà văn Pháp — *Vũ bội Liêu*
Việt-nam văn học sử (XVI) — *Nguyễn-văn-Tố*
Tùy hứng — *Hương-Sơn Trúc-Hòa*
Hội Truyền bá quốc ngữ với ba vạn học trò — *Phạm-mạnh-Phan*
Bụi đời gió cuốn — *Cô Lý*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương

HỠI CÁC BẠN THANH NIÊN!

Tình-hình quốc gia đã đến lúc nghiêm trọng! Đứng trước non sông Tổ-quốc và Lịch sử chúng ta đều có trách-nhiệm tồn-vong của nòi giống Nam Việt!

Các bạn phải đoàn kết chặt chẽ, đừng chia rẽ đảng phái. phải giúp đỡ các nhà chức-trách duy trì sự trị an và bảo vệ tài-sản của nông dân đang nguy-ngập lo sợ nạn hồng thủy!

Nước nhà còn mất là trong phút này! trong giờ này!

***

Kính cáo

CÁC ĐẠI LÝ MIỀN TRUNG VÀ MIỀN NAM

Vì đường giao thông chưa được như xưa, xin các Đại-lý miền Trung và miền Nam gởi trả tiền báo hàng tháng cho Bản-chí bằng ngân phiếu tốc hành (mandat-télégraphique) vì nếu gởi ngân phiếu thường thì phải hai ba tháng mới tới nơi.

T. T.

***

Cải-chính

Trong bài « Ta phải chống lại.. » của Vũ Bội Liêu đăng ở số trước: Trang 6, cột một, dòng thứ 5 in là: « *quốc-mẫu* », xin đọc là: « *mẫu-quốc* » trang 19: cột 2, giòng 10 Des bêtes *en vent*, xin đọc là *en rut* cột 2, trang 20:...trông *có dặc súc-vật*, xin đọc là... *trông có vẻ đặc súc-vật*; Trang 6, cột 1 giòng 14: In là: *các phụ nữ cao-mên*, xin đọc là: *các vụ-nữ cao-mên*.

Xin soi gương cổ

Quan văn không tiếc tiền,
Quan Võ không tiếc mạng,
Thiên hạ mới được thái-bình
(NHẠC-PHI)

NAM-SƯ-THỊ

Xưa nay, việc đời không nhất định, thì lẽ đời phải biến đi, nên ông Khổng-Tử đã có câu «ngày ngày thêm mới» để thúc dục ta tiến thủ. Nhưng muốn có mới, tất cũng phải do cũ mà thành, cho nên phàm việc gì cũng phải xem trước ngắm sau cho kỹ thì mới hay được.

Cho nên lại có câu:

Ôn cố tri tân (nhắc việc cũ, biết việc mới).

Lấy việc trước mà đoán việc sau; thấy vết xe trước nghiêng, vết xe sau tránh; xem cái hay của người, biết cái dở của mình, ngắm cái mạnh của người, biết cái yếu của mình gặp cái thiện của người, biết cái ác của mình.

Đó là những phương thuật của thánh hiền dạy ta chỉnh tâm, tu thân, tề gia trị quốc bình thiên hạ, cho nên cổ huấn của các bực tiên hiền tất phải nên thuộc để tẩm tưới tinh thần, mà những gương sáng của các bực tiền bối tất phải nên soi, để gắng gỏi noi theo cho khỏi phi tiếng con giòng cháu giống.

Ít lâu nay, triều đình chú ý đến việc «Trừng thanh lại trị» để gây hạnh phúc cho thần dân, nên cụ Khâm sai Bắc bộ Việt Nam có truyền bố cho các báo rộng nói những hành vi mờ tối thấp hèn của những viên chức bất chính.

Làm thế là một phương sách rất hay để trừng giới những tham quan ô lại.

Song như thế mới chỉ là phương diện trừng trị chưa có phương sách cải quá, vì người phạm tội có khi vì chế độ, hoàn cảnh mà phải làm càn, có khi bị lợi dụng mà phạm vào luật.

Phàm dụng nhân; không phải chỉ để cho người làm lỗi mà trị tội, cũng cần phải khích lệ để người tỉnh ngộ cải tà qui chính như thế mới là bản ý của Triều Đình và dụng tâm của nhà hành chính.

Muốn giúp một phần vào phương lược cải quá trên đây, không gì bằng nêu những đức sáng việc hay của các bực tiền hiền ngày trước để người đọc lấy đấy làm gương noi theo, rồi tự tâm xửa chữa lỗi lầm để thành người hữu ích cho quốc gia chủng tộc.

Vì thế, tôi xin tạm đan cử ra mấy việc «thanh cần» và «nghiêm minh» — Kể còn nhiều xin có gịp sẽ lục đăng thành cảo — có ghi trong sử sách để tỏ rõ dân tộc ta gần đây có những vị quan lại rất là đáng kính đáng phục và luật pháp của ta cũng rất là nghiêm minh.

***

Những vị quan thanh cần.

Trương Đăng Quế

Ông người làng Mỹ-Khê, huyện Bình sơn, tỉnh Quảng ngãi, đậu cử nhân triều Gia Long. Ông rất thông minh, tài học uyên bác, có nhiều sáng kiến, lại có tư cách đặc-biệt về tổ chức nên vua thường giao cho ông kiến thiết các tòa, các bộ, các phủ. Phàm cơ quan nào Triều Đình mới đặt là cũng phải có ông tham dự.

Triều Đình đặt nội các, ông cũng phải sung vào nội các, mới đặt cơ-mật, ông cũng phải sung vào cơ mật, khi đặt Phụ chánh, ông cũng có chân trong Phụ chánh. Ông thật là nguyên thủ trong quan-trường, làm đến cố mạnh đại thần, giữ ngôi Tể Tướng đến 20 năm, điện hàm đến Cần chánh, cung hàm đến thái sư tước phong đến Quận-Công, thế mà lúc về hưu cả giang san cơ nghiệp chỉ vẻn vẹn có một nếp nhà tranh với mấy bộ ghế ngựa gỗ.

***

Trịnh Hoài Đức

Tổ tiên người Tàu, chạy sang ta tránh loạn Mãn-châu, ông tên riêng là An, tự là Chi sơn hiệu là Cấn-Trai, năm 10 tuổi mồ côi cha, bà mẹ mang vào Gia-định.

cho theo học cụ Võ Trường-Toản. Nhờ gặp thầy hay học lực ông rất tấn tới. Kịp khi đức Cao Hoàng khắc phục Gia-định, cụ võ Trường Toản tiến cử ông và mấy môn sinh ra giúp nhà Nguyễn.

Ông là người rất cẩn thận, phong độ hòa nhã, tính khí trầm mạc, học vấn uyên thâm, tài ba lỗi lạc; mỗi khi nghị luận thường giữ đại thể nên vua Minh mệnh rất kính nể thăng cho ông nhất phẩm văn thần (Triều Nguyễn, từ vua Gia-Long chưa phong ai đến trật ấy, mãi đến vua Minh mệnh mới thăng cho ông là đầu tiên).

Ông làm quan, thế mà vẫn nghèo, ở Kinh làm việc, không có nhà riêng, mãi đến năm Minh-mệnh thứ ba (1822) vua mới biết bèn ban cho ông hai ngàn quan tiền và ngói gạch để sửa phủ đệ.

Ấy là vài nhân vật mới cách đây độ hơn trăm năm tức là 40, 50 năm trước hồi Pháp thuộc, mà tiết tháo làm quan còn cao như vậy; mới hay ngày trước các cụ ra làm quan chỉ chăm việc nước việc dân chứ không nghĩ đến việc nhà.

Đó cũng là do nơi gương vua Vũ ngày xưa trị thủy tám năm không về thăm nhà vậy.

***

Luật pháp nghiêm minh :

Con vua cũng không được nể ?

Trong thời Minh-mệnh, có một vị ông Hoàng Tám tên là Mân-Phú (con thứ 8 đức Minh-mệnh) cùng tên thả hạ Hoàng văn-Vân quất ngựa trong thành Ngựa tên vạn gẫm chết một bà cụ 80 việc tâu bộ Hình, các quan kết tội tên vào luật « mã bất thương nhân » mà nể Hoàng-Tử cho là vô can, miễn nghị.

Ấn độ lên, vua Minh-mệnh xem phê :

« Đường trong thành là chỗ nhân dân lai vãng, mà dám cho ngựa ruổi rong, tuy tên Vân phạm tội sát thương nhân song Mân-Phú phải bồi cho khổ chủ 200 lạng bạc. Tội đã liên đái, thì không xứng là con vua. Mân-Phú tự hậu không được dự vào hàng Hoàng tử. Còn tên Vân ỷ thế của Hoàng-tử cho nên miệt thị bần dân, *luật qui tru-tâm* (1) phải vấn quyết cho trọng nhân mạng. (Theo « Thụy Thiện Vương của Ủng Trình »).

Phạm văn Điển

Người huyện Phú-Vang phủ Thừa Thiên xuất thân tự lính Kinh-tượng làm đến chức Thống-chế, chuyên cai quản đội voi. Có tài Vũ-dũng, lại có can đảm gan dạ, nên vua Minh-mệnh rất yêu quí, có ban cho ông thanh « Long kiếm », được quyền tiền trảm hậu tấu.

Trải bao chiến trận, công nghiệp lớn lao, thế mà có một lần đi kinh-lý châu Cam - Lệ làm việc không xứng chỉ, liền bị cách chức phải ra lạm lính ở trấn Hải Đài.

Nguyễn-duy-Hòa

Người ở Lê - thủy tỉnh Quảng-bình, lúc nhỏ rất chăm học, không chịu đầu Tây sơn.

Năm 1793, vào nam, làm mạc-khách của Nguyễn văn Thành, năm sau được tiến cử, vào Triều Đình làm Hàn lâm viện chế cáo. Vua Gia Long thấy người học rộng tài cao rất mến nể, sau thăng cho chức Hình Bộ hữu tham tri, đã có lần làm khảo quan trường thi Thăng Long.

Quan chức như thế, thế mà có một lần đi qua cửa Đoan môn vô ý không xuống xe, quan Hữu tư bắt lại phạt đánh 80 trượng

Phạm phú-Thứ

Người huyện Tiên phước, tỉnh Quảng nam, đậu Tiến - sĩ triều Thiệu - Trị làm quan đến cơ mật viện đại thần. Vua Tự Đức rất là ỷ trọng thường giao giải quyết nhiều vấn đề ngoại giao can hệ. Nhất sinh ông làm quan chỉ chăm việc kinh tế cho dân, đã thi hành được nhiều phương lược lợi dân ích quốc, như thương khẩu Hải Phòng là chính ông thiết lập trong khi làm Tổng đốc An quảng.

Công huân như thế, mà có khi công vụ sơ xuất vua cũng không dám vị, luật pháp vô tư cũng phải bãi quan ra làm lính trạm, chạy công văn ở trạm Thừa nông.

Quân pháp có vô tư, luật lệ có nghiêm minh, thì dân tâm mới yên ổn.

Thưởng phạt có công bằng thì người hay mới muốn làm hay, mà người dở mới mong chừa dở

***

Xét ngẫm những cái quá khứ rực rỡ của ta, ta có thể tin rằng giống giống của ta không đến nỗi yếu hèn.

Sáu mươi năm dưới quyền áp chế, người Pháp đã làm cho ta tiêu mòn một phần lớn cái nho phong sỹ khí thời xưa, gây cho ta một chế độ xấu sa, nên trong thời Pháp thuộc mới có những việc mà ta đã thấy.

Cỏ trên trúc lấy ngôi nô dịch
Âm nho riêng là thích chí rồi
Đúc nên tư cách tôi đòi,
Nước suy mặc nước, dân đồi mặc dân

(Nguyễn Phan Lang)

Cho hay, hoàn cảnh có ảnh hưởng lớn đến nhân tâm. Nay gặp lúc này, trên quan dưới dân ai cũng một lòng vì nước, thì lo gì chả có lúc thái bình thịnh trị như xưa.

NAM SƯ THI

1) *Luật cốt diệt lòng, nghĩa là luật pháp trừng trị cốt để diệt tà ý từ lòng.*

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

Số 3

TRÚC-KHÊ

Những kẻ lại dịch, ai làm vất vả mà không được việc, ông đùa bảo :

— Cái gì mà ỳ ạch như ông Phan thanh Giản đọc sách ấy thế !

Tiếng đến tai ông Phan, dĩ nhiên ông Phan chẳng thế ưa nào. Chợt khi ông Nguyễn văn Siêu sang sứ Yên kinh, các quan bầy tiệc tiễn, ông Khải cũng dự trong đám ấy. Trong khi uống rượu, cùng nhau bàn bạc chuyện này việc khác, ông Khải mở hết lòng ruột, nói năng cử động chẳng biết giữ gìn, vì thế bị ông Phan thanh Giản đo chức đại thần (1), dâng sớ đàn hặc. Trong sớ đại khái góp nhặt nhiều điều lỗi của ông từ trước, như nói năng xấc xược với đại thần Nguyễn đăng Giai, như cầm đĩa bát ném quan chế sứ Nguyễn văn Siêu, như nói năng bất đạo, như riêng bàn triều chính, như trong lời nói có móc câu, như bụng dạ quỷ quắc, như thanh thế rộn rực v.v.

Việc giao cho bộ Lại nghiêm xét. Bộ này xét thấy phần nhiều không có thực trạng, nhưng vì có liên can đến mấy đại thần, nên cũng kết nghĩ sơ lược mà dâng trình lên. Vua Dực tôn xem rồi dụ rằng :

« Những điều tham hặc phần nhiều thuộc về trọng khoản, thế mà tra xét chỉ là những chuyện nhỏ bàn riêng với nhau, chưa hề tìm ra được những thực trạng gì. Huống chi cứ như lời tham hặc, nào bảo nói năng bất đạo, nào bảo quăng ném vào Nguyễn văn Siêu, bị thương ở mặt, người đến xem đông nghịt sung quanh, thế mà xét đến chứng tá, đều bảo không có, duy Phạm Bá Nghi, lời tư lần trước không thấy nói đến, đến lần tư sau mới thấy nói ra, tựa có tựa không, chẳng được xác tác. Lại như cái khoản bảo là nói xấc với Nguyễn Đăng-Giai, cũng không có tình trạng gì để trỏ rõ ra được. Ngoài ra còn những điều bảo *nan trắc* với *vô trọng*, cũng chỉ là lời nói của kẻ tham hặc, chứ không dẫn được cái xác chứng nào. Thế thì bản tham hặc kia há chẳng phải là không đúng sự thực ! Đến như những điều bảo bụng dạ quỷ quắc, thanh thế rộng rực, thì ở dưới làn giời sáng rực, hà dung cho có hạng người ấy. Vũ Phạm Khải là một kẻ tôi gần ở nơi bí-các, nếu quả có tâm tích ấy, thanh thế ấy, nên tra cho ra thực trạng, sẽ trừng trị một cách rất nghiêm để làm răn cho mọi kẻ khác. Nếu mà chỉ là chuyện bẩo, cũng cần phải biện bạch cho rõ, há nên bắt bóng để chứng, bàn xuông nói lý mà kết nghĩ một cách cẩu thả như vậy được ư ? Lại như những kẻ làm chứng Phan Tĩnh thì mộng nói bừa bừa, trước sau không đúng, Phạm Hữu - Nghi thì lời khai ấp úng, có, không chẳng rành xét kỹ tình hình, há chẳng phải là có ý binh vực. Vậy án này bác bỏ, giao bộ ấy phải tra xét đến triệt để. »

Bộ Lại tra xét lại, thấy những chứng tá của bên tham hặc, đều không có gì là chắc chắn, chỉ luận rằng, ông Vũ phạm Khải là kẻ cận thần ở nơi bí các mà nói năng nông nổi sàm sỡ, vậy xử các chức, còn ông Phan thanh-Giản là người đàn hặc có những điều không đúng sự thực, vậy xử giáng cấp và chức, còn những người khác có dính dến việc này, đều xử giáng phạt. Bản án để vua xem rồi châm chước giảm nhẹ cho con người : Vũ Phạm-Khải không phải cách chức phải giáng xuống Hàn-lâm viện thừa chỉ, sung

1) Chức quan ở ngự sử đài.

(Xem tiếp trang 19)

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

số 114

Ưng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa kỷ-sửu 1529 là năm thứ ba hiệu Minh-đức của Mạc-đăng-Dung, lấy hai mươi bảy ông đỗ tiến-sĩ. Hiện còn bia ở Văn-miếu Hà-nội, kỳ trước (số 196) đã dịch đăng. Nay chép đến tên các ông thi đỗ ở dưới này :

Ba ông đỗ đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cập-đệ : Đệ-nhất-danh là **Đỗ Tổng**, người xã Lại-ốc, huyện Văn-giang (Tế-giang) phủ Thuận-an (Thuận-thành), trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Năm hai mươi sáu tuổi, đỗ trạng-nguyên khoa kỷ-sửu 1529. Làm quan đến đông-các đại-học-sĩ. Phụng mệnh đi sứ, mất giữa đường ; được truy tặng Hình-bộ tả-thị lang. Là con Đỗ-Nhân (đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1493), anh Đỗ-Tấn (đỗ đồng tiến-khoa 1535), anh em cùng hiển một thời (*Đăng khoa lục*, tờ 22a, *Đăng-khoa bị-khảo*, nh-bắc, tờ 97a ; *Đình-nguyên t-lục*, số A1205, tờ 23 b 24a).

nhị danh là **Nguyễn Khánh** g), người xã Võ-lăng, huyện -phúc, phủ Thường-tín, ôn-nam ; nhà ở xã Thắng huyện thanh-oai. Năm bốn ươi hai tuổi, đỗ bảng nhãn khoa 1529. Làm quan đến thị-lang (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Sơn-nam, tờ 24a-b).

Đệ-tam-danh là **Nguyễn-văn Huy**, người xã Vĩnh-cầu (kiều), huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm bốn mươi tư tuổi, đỗ thám-hoa khoa 1529. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, kiêm chức tư-huấn ở Tú-lâm-cục Chiêu văn-quán, tri-sĩ. Sinh ra Nguyễn-trọng-Quỳnh (đỗ nhị-giáp khoa 1547), Nguyễn-đạt-Thiện (đỗ nhị-giáp khoa 1559), Nguyễn-hiền-Tích (đỗ tam-giáp khoa 1565), là ông nội Nguyễn-giáo-Phương (đỗ thám hoa khoa 1586), là tứ đại tổ Nguyễn đức-Vọng (đỗ tam-giáp khoa 1673), là lục đại tổ Nguyễn-danh-Nho (đỗ tam-giáp khoa 1670), là bát đại-tổ Nguyễn-công-Thản (đỗ tam-giáp khoa 1718), Nguyễn-đức-Đôn (đỗ tam-giáp khoa 1721), Nguyễn-quốc Ích (đỗ tam-giáp khoa 1727), ba đời đỗ đại-khoa liền nhau, lại thỉnh-thoảng đỗ đại-khoa đến tám đời. Tương truyền : tiên-tổ ông là nhà tích-lũy âm-công. Lại có người Tàu giấu vàng lạc mất chỗ, tiên-tổ ông bắt được, gọi giả, sau người Tàu tặng một cái huyệt để giả ơn, cho nên đời đời được đỗ đại-khoa mà lâu bền như thế. Nguyễn-văn-Huy lại có cháu ngoại là Phạm-y-Toàn ở huyện Thanh-lâm, trấn Hải-dương, cũng đỗ tam-giáp khoa 1589 (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Hải-dương, tờ 37 a).

Tám ông đỗ đệ-nhị-giáp tiến-sĩ xuất-thân, kê tên dưới này :

1. — **Nguyễn-văn-Quang**, người xã Bình-sơn, huyện Đông-ngàn trấn Kinh-bắc. Năm bốn mươi sáu tuổi đỗ đầu nhị-giáp khoa 1529 Làm quan đến đô-cấp-sự-trung. Là con Nguyễn-Nghiễn (đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1478) : Cha con cùng đỗ đại-khoa (*Đăng-khoa lục* q. 2, tờ 22a).

2. — **Trần-Thụy**, người xã Ngọc-bộ, huyện Tuấn-binh (theo bia, còn *Đăng-khoa-lục* chép là Tế-giang), trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1529. Làm quan đến Hàn-lâm (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 22a).

3. — **Phạm Huy**, người xã Mặc-khê, huyện Thanh-lâm, trấn Hải-dương, nhà ở xã Man-nhuế, đỗ nhị giáp khoa 1529. Làm quan đến tham-chính (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Hải-dương, tờ 63b).

4. — **Đặng-Lương-Tá**, người xã Đặng-xá, huyện Thạch-thất, trấn Sơn-tây, nhà ở xã Phú-ổ. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa-lục*, q. 2, tờ 22a). *Đăng-khoa bị-khảo* (q. Sơn-tây, tờ 40a), chép là **Đặng-Lương-Bật**, người xã Phùng-xá, năm bốn mươi tuổi đỗ nhị giáp khoa 1529. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị-lang, tước Đạm-khê-bá, sau chết được tặng phong tước hầu.

5. — **Nguyễn-Hoằng**, người xã Đức-thắng, huyện Hiệp-hòa, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Năm bốn mươi tuổi, đỗ nhị-giáp khoa 1529. Làm quan đến Hình-bộ tả thị-lang, tước Đạm-khê-bá, truy tặng tước hầu (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 66a).

6. — **Nguyễn-đoãn-Địch** người xã Hoàng-vân (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 22 a chép là Hoàng-phủ), huyện Hiệp-hòa, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Năm bốn mươi tuổi đỗ nhị giáp khoa 1529. Làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, kiêm quốc tử giám tế tửu, tước nghĩa-trai-bá, trí-sĩ, sau mất được tặng tước hầu (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc, tờ 66 a)

7. — **Phí-Thạc**, người xã Hương-ngải, huyện Thạch-thất, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm hai mươi hai tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1529. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư tước Lai-tuyền-hầu trí-sĩ, thọ 78 tuổi, được tặng thiếu bảo (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây tờ 40 a).

8. — **Nguyễn chiêu Khánh** (theo bia, còn *Đăng khoa lục* chép là Chiêu-Nghĩa), người xã Yên-sở, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây, đỗ nhị giáp khoa 1529. Làm quan đến hàn-lâm (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 22 b), *Đăng khoa bị khảo* (q. Sơn-tây, tờ 31 a) chép là **Nguyễn-chiêu-Độ**, ngụ ở xã Sơn-đồng, đỗ năm ba mươi lư tuổi. Làm quan đến hiệu-thảo.

Mười sáu ông đỗ đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ-xuất-thân, kê tên dưới này :

1. — **Nguyễn-hữu-Hoán** người xã Xuân-ổng, huyện Tiên-phúc, (Tân-phúc) phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc, Đỗ tam giáp khoa 1529. Làm quan đến giám-sát-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 65 b).

2 — **Nguyễn-đích-Giáo**, người xã Thượng-cốc, huyện Gia lộc (Trường-tân), phủ Hạ-hồng, trấn, Hải-dương, đỗ tam-giáp khoa 1529 Làm quan đến giám-sát ngự-sử Là con Nguyễn-duy-Minh đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502 (*Đăng khoa bị khảo*, q Hải-dương, tờ 39 a).

3 — **Lê-Thị**, người làng Ngọc-bộ, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm ba mươi sáu tuổi đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến tả thị-lang, tước văn-lợp-bá, tặng tước hầu (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 97 a).

4. — **Hoàng-khắc-Thận**, người xã Đại-lý, huyện Thuần-lộc (sau đổi là Thuần-hựu, rồi lại đổi là Vĩnh-lộc), phủ Hà-trung, trấn Thanh-hóa. Làm nhà ở xã Đặng-xá, huyện Lang-tài, trấn Kinh bắc Năm hai mươi nhăm tuổi đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến Lại-bộ thượng thư Hoằng-trung-hầu. Khi chết được tặng quận-công (*Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 37 b).

5. — **Lê-Tảo**, người xã Phúc-khê (*Đăng khoa bị khảo* chép là Phúc-diễn), nhà ở xã Cổ-nhuế, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm mai mươi chín tuổi đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang Hoằng-viễn-bá. Khi chết được truy tặng thượng-thư, tước quận-công (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 7 a-b).

6 — **Nguyễn-quý-Lương**, người xã Địa-linh, huyện Phụ-dực, phủ Thái-bình, trấn Sơn-nam. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1529 Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 104 b).

7 — **Nguyễn đức Kỷ**, người xã Đan-nhiễm, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc, Năm hai mươi tám tuổi, đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1529. Làm quan đến tự-khanh sung chức tổng binh thiêm-sự phủ Cao-bằng, tước Đồng-sơn bá Là ông nội Nguyễn Nghĩa-Trần đỗ tổng tiến-sĩ khoa 1602 *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc tờ 97 a).

8. — **An khê-Sử**, người xã Nễ-độ huyện Nam-xương (xang), phủ Lý-nhân trấn Sơn-nam. Năm hai mươi bốn tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến tự-khanh, truy tặng thị lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 75 a).

9 — **Vũ Ngung** người xã Đoàn-tùng huyện Gia lộc (*Đăng khoa lục*, q 2, tờ 23 a chép là xã Đoà-lâm huyện Trường tân), phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương. Năm ba mươi hai (*Đăng khoa lục* chép là hai mươi hai) đỗ tam-giáp khoa 1529. Làm quan qua cả lục bộ thượng-thư kiêm đô ngự-sử, tước Sại-sơn-hầu, khi mất được tặng quốc công *Đăng-khoa bị-khảo*, q Hải-dương, tờ 39 a-b).

(Xem tiếp trang 20)

Số 68 *Ưng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXVIII. — Lý-Thần-tông

Lý Nhân-tông mất ở điện Vĩnh-quang, thành Thăng-long, ngày đinh-mão tháng chạp năm đinh-mùi, tức 15 tháng giêng năm 1128 (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 25 a-b) Đến ngày ất-dậu (2-2-1128) Dương-Hoán lên ngôi, sau là Lý, Thần-tông, con Sùng-hiền-hầu Sùng-hiền-hầu là em Lý Nhân-tông vậy thì Dương-Hoán là cháu gọi Lý Nhân-tông là bác. Sinh năm bính-thân 1116. Nhân-tông nuôi Dương-Hoán ở trong cung, cùng với con Thành-khánh-hầu, Thành quảng-hầu, Thành-chiêu-hầu Thành-hưng-hầu, toàn là con nuôi. Dương-Hoán có vẻ thông-minh, nên đến tháng mười năm đinh-dậu 1117 Nhân-tông lập làm hoàng-thái-tử. Năm đinh-mùi 1127 Nhân-tông mất, di-chiếu cho Dương-Hoán nối ngôi, năm ấy Dương-Hoán mới mười một tuổi.

Đại-Việt sử-ký (q. 3, tờ 26 b) p: « Hoàng-thái-tử lên ngôi ở trước linh-cữu Nhân-tông, sai vũ-vệ là Lê-bá-Ngọc truyền bảo các vương hầu và văn, võ, thần-liêu đều lui ra, đứng chờ ở ngoài cửa đại-hưng, sai các thành-lại (quan giữ thành) đóng các cửa thành giữ cẩn thận, chớ cho người đi lại ra vào, lại sai cấm-quân dàn khí-giới ở mé dưới điện Thiên-an. Được một chốc, sai mở cửa nách hữu, vời quần thần vào long-trì, sai Lê-bá-Ngọc truyền dụ rằng: « Chẳng may tiên-đế xa bỏ quần-thần, ngôi trời không thể bỏ trống-không lâu được; ta là người tuổi còn nhỏ cố gắng nối ngôi. Các người rên bền lòng đồm-nhiệm, để giúp giập nhà vua, ngõ hầu không phụ cái ý của tiên-đế phó-thác mà con cháu các người cũng đời đời được hưởng lộc trời ». Quần thần đều lạy mừng, xong rồi khóc một cách thảm thiết. Vua sai nội-nhân là Đỗ-Thiện, xá-nhân là Bồ-Sùng đem việc ấy báo cho Sùng-hiền-hầu biết. Xuống chiếu cho các dân-gian trong nước y theo bản-nghiệp làm ăn như cũ, không được chứa giấu những đứa trốn tránh, trộm cướp và đánh nhau đến chết người.

Ngày nhâm-ngọ, quần thần dâng biểu rước linh-thần (tức linh-cữu vua Lý Nhân-tông) để ở điện Hồ-thiên. Ngày quí-mùi, quần thần bịu tang phục ở ngoài gác Vĩnh-bình. Ngày giáp-thân, quần thần dâng biểu xin ngự chính-điện. Ngày ất-dậu, vua ngự điện Thiên-an coi chầu, xuống chiếu cho quần thần trừ phục (là bỏ khăn áo tang). Ngày hôm ấy vua ngự Na-ngạn (nay là huyện Lục-ngạn tỉnh Bắc-giang) để xem cung nữ lên hỏa-đàn tuẫn-táng vua Lý Nhân-tông » (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư* q. 3, tờ 27 a-b và *Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 18 b).

Xem đoạn sử này với đoạn sử chép việc « Lý Nhân-tông bắt (bức linh) mẹ già là Dương-thái-hậu chết theo Lý Thánh-tông (tuẫn Thánh-tông lăng) » thì biết nước ta về thế-kỷ thứ mười hai không những là theo phong-tục của Tàu, mà lẫn cả phong-tục người ấn-độ Mã-lai nữa (Indonésien). Phong-tục Tàu như khi Tần mục-công chết (khoảng thế-kỷ thứ ba trước T. - C.), có đem ba người con của họ Tử-xa chôn theo; khi Tần Thủy-hoàng chết, bao nhiêu những hậu-cung không con, đều bắt chết theo, và những thợ làm trong lăng Thủy-hoàng cũng bị chôn sống Phong-tục Ấn-độ mã-lai thì người Chiêm-thành có theo, như việc vua Trần gả Huyền-Trân công-chúa cho Chế-Mân (Jaya Simhavarman III), đến khi Chế-Mân chết, theo tục nước Chiêm-thành, thì vợ vua phải vào hỏa-đàn chết theo (kỳ hậu nhập hỏa-đàn dĩ tuẫn) vua Trần sai Khắc-chung sang điếu và đem công-chúa về.

« Mồng một tháng giêng năm mậu-thân 1128 Dương-Hoán đổi niên hiệu là Thiên-thuận, đại xá

thiên-hạ. Phàm điền thổ của dân từ trước bị mất làm công-điền công thổ của quan thì được giả lại hết; những người bị tịch thâu làm điền-nhi được về hết; tăng đạo và bách tích bị làm lộ-ông cũng được tha (điền-nhi và lộ-ông sử Ngô-thì-Sĩ chú-thích là tội đồ, nhưng không biết rõ thế nào). Cho sáu quân được thay phiên về làm ruộng; thế là tuân theo cổ-chế » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 19 a-b, *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 28 b)

Cùng năm ấy có việc ngự kinh diên, tức là vua học. Việc này có một sử gia khen rằng : « Nước ta kể từ khi chính thống trở xuống, Đinh tiên Hoàng khởi từ kẻ chăn trâu, Lê Đại Hành ra từ người nuôi ngựa, đều không có cái học của đế vương, tuy tài trí chuyển vận, đều có thể khai cơ lập nghiệp, nhưng đến cương kỷ, thì không có gì là đáng nói, cho nên hai họ Đinh, Lê ấy không truyền lại được lâu bền : đó là cái lỗi bất học. Đến họ Lý được nước, là lòng dân tôn lên, Thái tổ là ông vua khoan nhân, mà cái sở học lúc nhỏ cũng do ông sư Vạn Hạnh, như thế thì kinh điển nhà Phật cũng có khi nghe được ít nhiều, còn đến lời nói hay bài dạy quí của đạo nho, chắc là chưa biết. Khi Thần tông lên ngôi, bắt đầu mở ngay kinh diên, có thể gọi là biết học vấn đề cầu trị đạo. Trong đời Thần tông được núi lặng suối trong, có lẽ công ở chỗ đó chăng. Phụ chính lúc ấy có Lê bá-Ngọc là văn thần mà lại là hiền thần, cho nên mới có việc hay ấy. Tiếc rằng Lê bá Ngọc phụ chính chưa được bao lâu, người kế tiếp không xứng đáng vị sư, phó, cho nên Thần tông không thành đức nghiệp ». (*Đ.v.s.k. cải lương*, a 1146, q. 2, tờ 32 b).

Cùng năm 1128 Thần tông tha những tội nhân ở phủ Đô hộ, từ tội biếm (đi đầy, bị giáng) tội truất (cũng như bị giáng) trở xuống, một trăm ba mươi người (*K.đ.v.s.*, q. 4, tờ 21 a).

Tháng hai năm thứ hai hiệu Thiên thuận (1129) không mưa, mãi đến tháng ba, vua thân cầu đảo, không nghiệm, nhân bảo thị thần rằng : « Trẫm tự nghĩ là không đủ tài đức, nên trên phạm đến khí thiên hoà của trời ; mùa xuân năm ngoái mưa dầm, mùa xuân năm nay đại hạn, Trẫm rất lo. Các ngươi nên nghĩ xem những điều lầm lỗi của trẫm, để sửa lại ». Viên ngoại lang là Trần ngọc Khánh tâu rằng : « Ba tháng xuân là thời hậu sinh vật, nếu không có mưa thì vật không sinh được. Hoặc giả chỗ hình ngục, có việc oan việc lạm, cho nên thương đến hòa khí, xin Bệ hạ nghĩ cho ». Vua lấy làm phải, xuống chiếu tha những tội nhân trong thiên hạ. Đầu tháng tư được mưa : người bấy giờ khen Trần ngọc Khánh là Trần thiện Giản » (*K.đ.v.s.*, q 4, tờ 25 a-b).

« Tháng chín năm thứ ba hiệu Thiên thuận (1130) mưa dầm mãi không thôi. Vua sai làm lễ kỳ tình (cầu tạnh) và tha tất cả tù ở phủ Đô hộ » (*K.đ.v.s.*, q. 4, tờ 26 b).

Năm 1128, khi mới đặt niên hiệu Lý Thần tông cho Lê bá Ngọc làm thái úy, thăng tước hầu, nội nhân hỏa dầu là Dương anh Nhị và Lưu Ba làm thái phó, tước đại liêu ban, nội nhân hỏa dầu là Lý Khánh, Nguyễn Phúc và Cao Y làm thái bảo, tước nội thượng chế, trung thừa là Mâu du Độ làm gián nghị đại phu, ngự khố thư gia là Từ Diên làm viên ngoại lang chỉ hậu quản giáp là Lý Sơn làm điện tiền chỉ huy sứ tước đại liêu ban, linh nhân là Ngô Toái tước thượng chế. Lại cho Lưu khánh Đàm Lê bá Ngọc, Lưu Ba, Mâu du Độ và các quan chức tiến lụa có thứ tự hơn kém khác nhau (*K.đ.v.s.*, q. 4, tờ 19 b 20 a).

« Ngày Nhâm dần tháng giêng năm 1128 sai Lưu Ba, và Mâu du Độ đem những lễ vật của vua Nhân tông ban cho Sùng hiền hầu từ trước đến tận nhà riêng ». (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 29 a).

Vào khoảng « tháng ba ta năm 1128, quần thần dâng tôn hiệu là Thuận thiên quảng vận khâm minh nhân hiếu hoàng đế

Cùng « tháng ấy, lập Lý t làm hoàng hậu. Nguyên trước sai viên ngoại lang là Lý khánh Thần và vợ đến đón con gái

(Xem tiếp trang 12)

Ta phải chống lại lối tuyên truyền man trá của bọn thực dân!

NGƯỜI VIỆT NAM DƯỚI MẮT MỌI BỌN NHÀ VĂN PHÁP

II

BỌN THỰC DÂN ĐỐI VỚI CÁC CUỘC CÁCH MỆNH CỦA TA

VŨ - BỘI - LIÊU

Còn thái-độ của người Pháp đối với những trang liệt sĩ Việt Nam đã hi-sinh cho nền độc lập nước nhà? Họ có đủ công-bình, và cao thượng để cúi đầu chào những địch - thủ anh hùng bại trận? Không. bọn thực - dân Pháp, trái lại, đã không muốn hiểu những cuộc cách-mệnh của ta, chúng lại nhìn các nhà ái quốc Việt - Nam bằng con mắt khinh khi, và không bỏ cơ hội nào để mạt sát họ.

Trong một bài báo nhan đề là: « Cái họa cách - mệnh ở Đông dương » đăng năm 1934 ở « La revue des deux mondes », một trong những tạp chí có tiếng nhất bên Pháp (1), tác giả vô danh đã viết câu này về Hoàng Hoa Thám: « *Cả hắn lẫn những tên khác không thể gọi là những « anh hùng cứu quốc » được; chúng chỉ là những kẻ bản tính phản nghịch, hung hãn, tham lam ngu ngốc và thích sự cướp bóc* ». Về Phan bội Châu, bài viết: Tên ấy sở dĩ nổi được là vì hắn đã đánh lừa dối để một mặt được đến chứng An-nam coi là một nhà cách-mệnh, một mặt được sở liêm-phóng coi như một tên chỉ điểm » Tác giả bài ấy lại còn dám bảo những cuộc vận động chính trị của ta từ 1925 ,1926 giở đi đều mang tính cách cộng-sản, chứ không phải quốc-gia chi hết, rồi hắn cực-lực phản-đối sự « khoan-hồng quá đáng » của mấy kẻ cầm quyền đối với những tên « phản nghịch » ở Đông-dương.

Trong mấy cuộc tranh-luận ở nghị viện Pháp về việc khởi nghĩa của V.N.Q.D.Đ., sau ngày đẫm máu ở Yên Bái năm 1930, một vài phần tử sáng suốt trong đó có Marius Moutet, Berthon — đã kịch liệt kết án chính-sách tàn ác của bọn thực dân. Nhưng Piétri, tổng-trưởng bộ thuộc-địa hồi đó, lại lên tiếng binh-vực và khen-ngợi tên sát nhân René Robin, người có trả lời nhẹ nhàng về cuộc đổ máu ở Cổ Am: « rất-tự khôi-phục được — hắn nói — *vinh dự ấy về ông Robin, ông ấy là một vị thủ hiến đại tài* » Còn việc rội 500 cân bom xuống làng Cổ Am. Piétri cãi đó là « *một hành vi tự vệ rất chính đáng* »: theo lời hắn việc ấy đến lúc cuối cùng, bất đắc dĩ không thể dừng được mới phải làm: viên thống-sứ Bắc-kỳ chỉ có 25 tên lính (?) mà phải đương đầu với cả dân chúng một làng, có khi giới nổi lên công khai chống cự lại chính-phủ. Vả lại — vẫn theo lời viên cựu tổng-trưởng thuộc địa — đoàn tầu bay chỉ ném bom xuống khi ở dưới bọn phản nghịch bắn lên nghĩa chiến! ».

Louis Marty đã bảo Nguyễn thái Học, đảng-trưởng V. N. Q. D. Đ. là « *một gã còn trẻ tuổi không chút thông minh nào, nhưng mà đầy kiêu ngạo* ». (Un tout jeune homme dépourvu d'intelligence, mais plein de vanité).

Barthouet — biệt hiệu là Bốn Mắt! — trong quyển « Đêm máu ở Yên Bái » (La nuit rouge de Yên Bay) đã gọi 13 vị anh

hùng tuẫn quốc của ta là « *13 đứa côn đồ* » (..les treize bandits). Và tác giả lại viết câu tiên tri sau này : « Trong năm mươi năm nữa, sau khi câu chuyện đã bị người ta làm sai lạc đi mãi nhiều rồi biết đâu những tên lính tập phản chủ ấy lại chẳng được người ta coi như thần thánh Trên các sân khấu Việt-nam, trong các bài hát của các chị lái đò, họ sẽ được tôn làm bực anh hùng, và chúng ta, những kẻ nạn nhân, chúng ta đây sẽ bị hạ xuống hàng những quận mọi rợ phê tởm » Mới có 15 năm qua. Chắc Berthouet không ngờ đâu rằng câu nói chơi của mình lại hiệu nghiệm đến thế

Cùng trong tác-phẩm nói trên, *tác giả « La nuit rouge de Yên Bay » lại có cái nhã ý đem chúng ta ví với . . . một con ngựa.* Hắn bảo không phải cái giống ngựa đáng quý như Buffon đã mô tả, mà là *một con vật cần phải kiềm chế, vả lại nó sinh ra cũng chỉ để người ta kiềm chế* ». Trị được, nó giúp ta rất nhiều việc. Nhưng nó biết nhận xét lúc nào ta không biết cưỡi, lúc nào ta không biết cai quản nó, lúc ấy thì nó cứ việc làm theo ý nó, không coi ta ra gì nữa ».

Berthouet cũng phải công nhận V.N.Q.D.Đ là một cơ quan cách-mệnh đáng sợ, đã chống lại được người Pháp trong một năm dòng, và tỏ ý cảm-phục cái chết của Cô Giang, sau khi đầu Nguyễn thái Học đã rơi trên máy chém. « *Cô Giang, tác-giả viết, người thiếu phụ ấy đã làm danh giá cho cả đám phụ nữ* » (Thị Giang' cette femme a honoré la femme).

III

Ta phải trống lại lối tuyên truyền man trá ấy !

Chúng ta đã nhận rõ cái dã tâm của người Pháp : mô-tả người mình như một dân-tộc hèn kém, cần đến sự dạy - giỗ, che chở, dìu dắt của một cường quốc. Họ muốn cho mọi người tin rằng nếu không được : « bó đuốc văn-minh » của bọn thực-dân rọi tới, thì ta không bao giờ thoát khỏi vòng tối tăm u muội ! Họ dấu diếm, chối cãi những lầm-lỗi, tội-ác của họ ở thuộc địa, làm sai lạc hết ý-nghĩa chính đáng cả : cuộc cách mệnh ở Đông Dương Như thế, cốt để dánh lừa dư-luận quốc-tế, để mọi người lầm tưởng rằng việc đi thực dân là một « sứ-mệnh thiêng-liêng », như nhời họ nói. Tác-giả bài báo đăng trong « La revue des deux mondes » đã nói trên ta lại còn dám quả quyết : « Biết bao sự kiện thông thường chứng tỏ rằng *nên thẳng hoặc chúng ta phải rời bỏ xứ Đông dương* — ta không nói đến trường-hợp mà một nước khác ở Âu-châu, Á-châu, hay Mỹ-châu, kẻ chân ta ở đó — *thì dân-tộc an - nam, sau khi đã mất hẳn một sự bảo-hộ cần-thiết để khích-thích họ, và khiến cho họ vượt qua được tài-lực của họ, sẽ lại rơi xuống cái mực xưa, nội - loạn và hỗn-độn* » (Theo bản dịch của ông Trọng Đức) — Tên thực-dân ấy lại còn bịa đặt rằng « *dân-tộc An-nam, trong toàn-thể, đã thừa nhận cuộc đô hộ của Pháp một cách nhẫn nại, không hiềm thù, và có khi lại lấy làm hả hê nữa* (1)... Họ tin là người Pháp đến giải phóng cho họ ».

Bây giờ ta phải làm thế nào để chống lại lối tuyên-truyền man-trá ấy ? Vì chắc không bao giờ bằng lúc này, bọn lạc hậu lăm le muốn trở lại nắm Đông-dương đang dùng đủ các cách không chính - đáng, đang bịa đặt đủ điều để mạt - sát ta trước dư - luận quốc - tế. *Một công việc cần-kíp của một bộ tuyên-truyền tương lai trong nội-các Việt-nam là cho soạn ngay bằng mấy thứ tiếng ngoại quốc thông-dụng — ngoài cuốn « Hắc-thư » mà mấy nhà báo ở đây đã bàn đến, trong ấy sẽ tố-cáo những tội - ác, những hành-vi vô nhân đạo của bọn thực dân — rất nhiều sách để cho hoàn-cầu hiểu rõ ta hơn, để các nước văn - minh trên thế-giới tin rằng chúng ta có đủ điều-kiện để trở nên một nước hoàn-toàn độc-lập, hơn thế nữa, một dân - tộc hùng-cường.* Chúng ta sẽ vạch bết những điều nhầm lẫn, man-trá, hay vu cáo của một bọn nhà văn thiếu lương-tâm, chúng ta sẽ nêu ra những nhời phán - đoán công bình của một số người ngoại quốc

(*Xem tiếp trang 16*)

1) *Xem bản dịch của ông Trọng Đức, Thanh-nghị số 108*

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 9)

chức điện tiền chỉ huy sứ Lý Sơn, viên ngoại lang Trần ngọc Độ và vợ đến đón cháu (gọi là bác) chức thái úy Lê bá Ngọc là con gái Lê Xương. Đến tháng ba lập con gái Lý Sơn làm Lê Thiên hoàng hậu, con gái Lê Xương làm Minh bảo phu nhân, thăng Lý Sơn tước hầu, coi quân dân ở Lạng Sơn, cho Lê Xương tước đại liêu ban » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 30 a-b).

« Tháng mười một ta năm 1128, thăng thái úy Lê bá Ngọc làm thái sư, đổi họ là Trương ».

Đến năm sau (1129) tháng giêng « ngày giáp Ngọ, tôn cha thân sinh là Sùng biền hầu làm thái thượng hoàng, mẹ thân sinh là họ Đỗ làm hoàng thái hậu ở cung Động nhân » (*Đ. v. s. k. toàn thư*, q. 3, tờ 32 a-b).

Năm Ất mão (1135) « mùa hạ tháng tư, xuống chiếu cho Lý công Tín được vào trong cung cấm tâu việc Công Tín nguyên họ Phí, lúc đầu bổ chức phụng ngự thư gia, rồi thăng tả ty lang trung, cho họ là Lý ; vua tin dùng, cho vào trong cung cấm, ra vào tự do » (*K. đ. v. s.*, q. 4, tờ 30 b).

Ngoài việc quan dân, đến việc giao-tiếp với Tàu và Chiêm-thành Chân-lạp.

Bấy giờ bên Tàu nhà Tống tránh người Kim, dời Kinh-đô đến phủ Lâm-an tức là qua sông (phủ Lâm an thuộc phủ Triết-giang, tức Hàng châu bây giờ). Vua Lý Thần-tông lên ngôi, sai sứ sang Tàu báo tin. Đến tháng mười năm thứ ba hiệu Thiên-thuận (Canh-tuất, 1130) sứ nhà Tống sang phong làm Giao-chỉ quận-vương. Vua Lý sai viên-ngoại-lang là Lý Phụng-Ân và lệnh thư-gia là Doãn-anh-Khải sang nhà Tống báo sinh (là biếu đồ vật và tạ ơn).

Đến tháng mười hai năm nhâm tý (1132) sứ Tàu lại sang gia phong cho Lý Thần-tông làm Nam bình-vương. (*Khâm-định việt-sử*, q. 4, tờ 29 b).

Tháng giêng năm thứ nhất hiệu Thiên-thuận (1128) « ngày giáp-dần, nước Chân-lạp (Cao-man) đem hai vạn người vào cướp ở bộ Ba-đầu, châu Nghệ-an. Vua xuống chiếu cho chức nhập-nội thái-phó là Lý-công-Bình đem các quan chức và người châu Nghệ-an đi đánh. Ngày qui-hợi, tháng hai Lý công-Bình đánh được người Chân-lạp ở bộ Ba-đầu, bắt được chủ-tướng và sĩ-tốt. Đến ngày đinh-mão, thư thắng trận của Lý-công-Bình về đến kinh-sư. Ngày mậu-thìn, Vua ngự hai cung Thái-thanh và Cảnh-linh và các tư-quán ở trong thành để bái tạ đạo Phật.

Tháng ba, Lý-công-Bình đem quân về đến kinh, dâng những người bắt sống được một trăm sáu mươi chín người ». (*Đại-việt sử ký, toàn-thư*, q. 3, tờ 30 a đến 31 b).

« Tháng tám (cùng năm 1128) người Chân-lạp lại vào cướp ở làng Đỗ-gia châu Nghệ-an, có hơn bảy trăm chiếc thuyền. Vua Lý Thần-tông xuống chiếu cho Nguyễn hà Viêm ở phủ Thanh hóa và Dương ở châu Nghệ-an đem quân đi đánh. Chân-lạp bị thua. Tháng mười một năm ấy, châu Nghệ-an đệ tấu một bức quốc-thư của Chân-lạp, xin sai người sang sứ nước ấy, vua Lý không trả lời » (*Đại-việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 32 a).

« Tháng ba năm thứ ba hiệu Thiên-thuận (1130) người nước Chiêm-thành là Ung-ma Ung-câu đến xin nội phụ » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 35 b).

« Tháng bảy năm thứ năm hiệu Thiên-thuận (1132) người Chiêm-thành là bọn Cụ-Ban trốn về nước, đi đến trại Nhật-lệ thì người trại ấy bắt được đưa về kinh-sư » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 37 a).

« Tháng tám, Chân-lạp và Chiêm thành vào cướp châu Nghệ-an, vua xuống chiếu cho thái-úy là Dương Anh-Nhị, đem người phủ Thanh hóa và châu Nghệ-an, để đi đánh Chân-lạp Chiêm-thành, đều được » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 37 a-b).

« Tháng chín năm ấy chức lệnh thư-gia ở châu Nghệ-an, dâng ba người Chiêm-thành. Nguyên trước người ấy thường phục ở các chỗ hiểm-yếu để bắt sống người châu Nghệ-an, bán lại cho nước Chân-lạp. Trần-Lưu biết vậy, đặt quân phục ở chỗ ấy, cho nên bắt được ba người đem dâng » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 37 b).

« Tháng hai năm ất-mão (1135) Chân-lạp và Chiêm-thành hai nước đều lại cống » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 30 a).

« Tháng giêng năm đinh-tỵ (1137), trạm Nghệ-an tâu rằng Chân-lạp vào ăn cướp châu ấy, vua xuống chiếu cho thái-úy là Lý-công-Bình đem quân đi đánh, Chân lạp bị thua » (*Khâm-định Việt sử* q. 4, tờ 31 b 32).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NG-VAN-TỐ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 16

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CHƯƠNG thứ mười lăm trong quyển *Việt nam văn-học sử-yếu*, ông Dương quảng Hàm nói về các lối « truyện, ngâm, bát nói » là « thể văn riêng của ta » (tr. 137 — 148).

Trang 137, dưới câu : « Truyện là tiểu-thuyết viết bằng văn vần » nên thêm mấy chữ : « như truyện *Kim Vân Kiều*, truyện *Nhị-độ-mai*, v.v. » Lại nên dặn đừng lẫn với chữ *truyện* là tên chung bốn quyển sách của nho-giáo (*Đại-học, Trung-dung, Luận-ngữ, Mạnh-tử*) thường gọi là *Tứ thư* hoặc *Tứ truyện*, và đừng lẫn với chữ *truyện* là sách chép sự-tích bằng chữ nho, như *Đại - Nam liệt-truyện*.

Cùng trang ấy ông Hàm giảng chữ « *Lục bát* nghĩa đen là sáu, tám » : nên xóa chữ *đen*, vì lục bát chỉ có nghĩa là lối văn trên sáu dưới tám, chứ không có nghĩa gì khác nữa, không nên phân ra nghĩa đen với nghĩa bóng.

Ông Hàm nói thể văn lục bát « muốn đặt dài ngắn bao nhiêu cũng được, miễn là phải dừng lại ở cuối câu tám » : câu ấy không rõ mà hình như không đúng cho lắm, vì có chỗ dừng ở câu thứ tư như bài *Hạnh Thục ca*, mở đầu rằng : *Gẫm cơ tạo-hóa khôn lường, trải xem trị loạn, lý thường xưa nay. Thịnh suy thế-vận lần xoay, non sông như cũ đổi thay không cùng. Nước ta Nam-việt phân - phong, hiệu Hồng-bàng thị, vốn dòng Thần-nông ...* » Thế có phải đến chữ « đổi thay không cùng » đã là hết một mạch rồi không ? Lại có chỗ dừng ở cuối câu thứ sáu như bài *Chính-khí ca*, mở đầu rằng : « *Một vầng chính khí lưu hình, cũng trong trời đất, nhật tinh, sơn hà ; hạo-nhiên vững ở người ta, tắc vuông sơn sắt hiện ra khí cùng. Nên thua theo vận hạnh truân, Nghìn thu chép tiếng anh - hùng sử xanh... Có quan tổng-đốc Hà-ninh, hiệu là Quang Viễn, trung trinh ai bằng...* ». Thế có phải là đến chữ « anh-hùng sử xanh » đã là một mạch rồi không? Vậy thì câu của ông Hàm nên chữa rằng : Muốn đặt dài ngắn bao nhiêu cũng được, nhưng những chỗ dừng hơi ngắt đoạn thường ở cuối câu thứ tư, hoặc thứ sáu, thứ tám, tùy ý.

Nếu có phải ông Hàm cho nghĩa là *bao giờ câu cuối cùng* cũng *phải là câu tám chữ*, thì cũng hơi nhầm vì phần nhiều những bài hát (lục bát, song thất lục bát...) đặt câu cuối có sáu chữ, như bài *Nợ nam nhi* của cụ Nguyễn-công-Trứ (mà ông Hàm dẫn ở trang 144) câu cuối chỉ có sáu chữ, là câu « Nghìn thu một tiếng công hầu », lại bài *Tiễn biệt* của ông Cung-thúc-Thiềm (dẫn ở trang 145) câu cuối là câu « Yêu nhau nhớ lấy lời nhau » cũng chỉ có sáu chữ.

Nếu bảo chỉ có lối ca-trù mới dùng câu sáu chữ ở cuối bài, thì bài *Chính khí ca* là bài kể truyện cụ Hoàng-Diệu tử tiết, cũng đặt sáu chữ vào câu cuối bài, là câu « Anh-hùng mới biết anh-hùng ». Vậy thì nên xóa câu « miễn là phải dừng lại ở cuối câu tám ».

Đến đoạn « hiệp vần trong thể lục bát » (trang 137) ông Hàm viết mấy câu rằng : « Cứ chữ cuối câu trên phải vần với chữ thứ sáu câu dưới và mỗi hai câu mỗi đổi vần » (vì hai chữ *mỗi* mà câu này hóa ra vần tây) mà bao giờ cũng gieo vần bằng. Theo lệ ấy thì chữ cuối câu sáu vần với chữ thứ sáu câu tám, rồi chữ cuối câu tám lại vần với chữ cuối câu sáu sau... »

Hình như thừa nhiều chữ quá, có thể rút như thế này : Chữ cuối câu trên (thượng lục) phải hiệp vần với chữ thứ sáu câu dưới (hạ bát), còn chữ thứ tám ở câu dưới phải hiệp vần với chữ cuối câu sau. Cứ hai câu lại đổi vần, mà bao giờ cũng gieo vần bằng.

Lại nên thêm vào trang 137, ở « thể lục bát » một câu rằng : « ta thường gọi là *thượng lục hạ bát* trên sáu dưới tám ».

Trang 138, ông Hàm nói biến thể lục bát « cũng là thể lục bát, nhưng thỉnh thoảng có xen vào một ít câu mà cách

hiệp vần và luật bằng trắc khác thể lục bát nói trên ». Tôi tưởng không nên đặt ra một tên riêng là « biến thể » vì ai xem đến những truyện *Phạm công, Cúc hoa, Lý công,* cũng chỉ gọi là lối văn thượng lục hạ bát, chứ chẳng ai gọi là « biến thể lục bát ». Những chỗ thất niêm thất luật là do người mới tập làm văn, không đủ văn liệu như cụ Tên đề nên mới phải đổi đệu đi như thế, mà chính ông Hàm cũng nói lối ấy « có tính bình dân ». Thực thế, đương buổi chữ nho đang thịnh, văn nôm ít dùng, người khoa mục, lắm khi cũng dùng lối văn bình dân ấy. Vả lại gọi là « biến thể » thì hơi trùng với câu : « Hát nói có thể coi là một biến thể của hai thể lục bát và song thất » in ở trang 141 về đoạn « Hát nói ». Trang 141, nên cắt nghĩa chữ « ca trù » là lối hát bỏ thẻ, thường thẻ. Thẻ là mảnh tre ; các hương thôn bây giờ hãy còn mới dùng lối ấy, nghĩa là vót một ít thanh tre như dũa cả, gọi là thẻ, lúc đầu giao với con hát mỗi thẻ bao nhiêu tiền, người cầm chầu nghe câu nào hay, lấy thẻ ấy mà thưởng, đến khi xong, con hát đếm thẻ lấy tiền.

Trang 147, ông Hàm dẫn bài Vịnh *Tiểu xích bích* làm thí dụ: So với bản nôm của trường Bác cổ thì khác những chữ sau này : Câu thứ 4, ông Hàm chép : « Một con thuyền với một túi thơ », bản nôm chép : « Một con thuyền với một khách thơ » có lẽ phải hơn, vì chữ « khách » mới hiệp vần « bích » ở câu trên : « Ông Tô tử qua chơi Xích bích, một con thuyền với một khách thơ ». Câu thứ 6, ông Hàm chép: « Trăng chếch chếch đầu non mới ló », bản nôm chép : « Trăng chếch chếch đầu non vừa ló » : có chữ « vừa » thì mới hiệp vần « tờ » ở câu thứ 5 : « Gió hiu hiu mặt nước như tờ, Trăng chếch chếch đầu non vừa ló ». Câu 7 và 8, ông Hàm chép : « thuyền một lá xông ngang ghềnh bạch lộ, Buông chèo hoa len lỏi chốn sơn cương », bản nôm chép : « Buông một lá giữa dòng bạch lộ Nhởn nhơ chèo trên chỗ tiên hương », tôi thiết tưởng câu ở bản nôm phải hơn, vì đã dùng chữ « một lá » thì không phải dùng chữ « thuyền » và đã là một cảnh chơi thuyền, thì chữ « xông » không được. Đến vế dưới mà đặt chữ « len lỏi » cũng không hợp nghĩa, chữ « sơn cương » không bằng chữ « tiên hương », vì « sơn cương » là « cảnh núi », « tiên hương » là « làng tiên », tuy lúc bấy giờ ông Tô Đông pha có đi chơi cảnh núi, nhưng đã đặt làm bài hát, thì thường dùng những chữ có thế vị, chứ không dùng chữ « len lỏi » và chữ « sơn cương » nghe như thật thà quá ; vả lại lối thơ của Tàu và của ta xưa nay phần nhiều tả những cảnh mượn thì chữ « tiên hương » cũng không phải là quá đáng. Còn chữ « chỗ » hay « chốn » thì cùng một nghĩa, nhưng đây phải đọc là « chỗ » mới hợp vần « lộ » ở câu trên (*Ca trù thể cách*, bản sao của Trường Bác cổ, số A-B 160, tờ 27 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

SA MƯƠI NĂM LÀM QUAN

Ba mươi năm trước ngày hôm nay,
Siểng siểng hòm hòm trò theo thầy,
Một gánh giang sơn toan nhắc bổng,
A ngờ lần lữa qua tháng ngày.

Ai ngờ lần lữa qua tháng ngày,
Nhìn bóng trong gương mái tóc thay,
Lộc nước ơn nhà chồng chất mãi,
Túi cơm giá áo thêm mặt giầy.

Túi cơm giá áo thêm mặt giầy,
Dưỡi bước bây giờ khó nói hay,
Thôi mặc đàn con xoay xở vậy,
Sẵn vườn, sẵn ruộng ta về cầy.

Sẵn vườn sẵn ruộng ta về cầy,
Ngoài ruộng cấy lúa, vườn giồng cây,
Sang sáng thăm đồng chiều ngắm cảnh,
Mua nhàn chẳng tốn mảy may may.

Hương Sơn THÚC HÒA

Kiểm điểm người và việc trong hàng trí thức Việt-nam

HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGỮ VỚI TRÊN BA VẠN HỌC TRÒ

PHẠM-MẠNH-PHAN

NÓI đến các hội của người Việt nam ta, tôi tưởng hiện nay hội Truyền bá quốc ngữ là một hội học có thanh thế nhất ở khắp ba bộ.

Hội đã làm được những gì từ ngày thành lập cho đến hồi đảo chính? Ta cũng nên ghi chút ít tài liệu về hội để sau này giúp các nhà khảo cứu về xã hội học biết cuộc tiến hóa của dân tộc ta trong non chục năm cuối thời pháp thuộc.

***

Hội Truyền bá quốc ngữ được phép thành lập ngày 29 tháng 7-1938 kể tới ngày 9-3-1945 hội sống vừa được 7 năm. Công việc của hội bắt đầu từ trong thành phố Hanoi rồi lan ra tới các vùng ngoại ô và các tỉnh lân cận. Đến nay chẳng những nhiều tỉnh miền xuôi có đặt chi nhánh của hội và các tỉnh miền thượng du cũng đã thành lập được vài nơi chi nhánh để chống nạn thất học, trong đám đồng bào nghèo túng.

Khóa học đầu tiên của hội khai giảng ngày mồng 9-9-1938 tại Hanoi ở hai khu trường Trí Tri và Thăng long.

Tới ngày đảo chính, hội đã khai giảng được 13 khóa: mỗi khóa là 4 tháng.

Chúng ta hãy nhìn bảng thống kê dưới đây để biết qua công việc tiến hành của hội:

Khóa thứ	*Khu trường*	*Số giáo viên*	*Học trò*
1	2	30	800
2	4	45	1000
3	9	60	1200
4	9	70	1100
5	12	87	1400
6	13	105	1600
7	20	173	3200
8	21	165	3100
9	23	179	3100
10	25	185	3200
11	31	210	3300
12	35	245	3000
13	53	417	3800

Trong 4 khóa đầu hội chỉ mở các lớp ở trong thành phố và qua đầu khóa thứ 5 (1940) hội mới bắt đầu mở các lớp ngoại ô. Và tới khóa thứ 12 (1944) các lớp ở các làng vùng Đại lý đặc biệt mới bắt đầu có.

Theo bảng trên thì ta thấy số trường và số giáo viên tăng lên một cách khả quan. Và tổng cộng tất cả hội đã dạy được trên ba vạn học trò kể cả khóa thứ 14 đang khai giảng.

Ngoài các khóa học, hội đã mở được một thư viện bình dân đầu tiên ở Bạch Mai. Tại các làng Khương thượng, Yên Thái và Yên Phụ cũng đã hoàn thành vài thư viện bình dân khác.

Chương trình dạy học của hội chia làm hai bậc:

a) lớp mở lòng tức sơ học dạy đánh vần và tập đọc quốc ngữ.

b) lớp bổ túc dạy cho các học trò đã trúng tuyển kỳ thi mãn khóa bậc sơ học và những người có sức học tương đương biết thêm những điều thường thức cần cho sự sống hằng ngày.

Các sách vở hội đều cho không. Và tính trung bình về mấy khóa đầu, mỗi học trò tốn cho hội từ 0$50 đến 1$00 trong mỗi khóa. Hiện nay giá đó tăng từ 5$ đến 7$00.

(Xem tiếp trang 18)

Bụi đời... gió cuốn

ĐÒN «BẸC-DÊ»

L. T. S. — Trên mặt báo này, từ nay Cô Lý, vốn yêu tên chỉ Tri-Tân, cứ hằng tuần sẽ hiến các bạn những mẩu chuyện lượm lặt trong lớp gió bụi của đời.

Trong làng báo Bắc bộ, Cô Lý không phải một tên xa-lạ, Các bài báo của Cô Lý đã rải-rắc khắp đó-đây đủ là những đảm-bảo chắc-chắn để gợi lòng tin của các bạn. Chúng tôi không dám dài lời giới-thiệu.

***

Hồi Tây còn ở đây, anh em làng yêu và làng chạy, lúc ở hỏa-lò ra, thường nhắc đến một cái tên : Berger. Ấy là lão cai ngục. Ngài họ Phạm kia được nổi-danh về sự thết tiệc quan tây thì y cũng được nổi danh về cái tài đánh tù.

Hãy nghe một yêu tri-kỷ với bạn bên khay đèn :

— Mẹ khiếp ! nó đánh thế nào thành quá, một trăm « ca-dui » như nhau, cả một trăm đều tăm tắp Người ta bảo với đây rang nó nghiện đánh ; một ngày mà không múa « ca-dui » một lần là y như rằng nó ăn không biết ngon. Mà một lần nào có phải ít, soàng ra cũng là nửa bách. Lại nửa bách... cầm như máy, cầm như móc mới chết con người ta chứ.....

Berger đánh, đánh khỏe lắm, đánh đều lắm, đánh một cách rất máy móc, rất khoa-học khiến anh em làng yêu đã phải súc-cảm mà ghi tài-ba của y bằng lời thơ :

Đi thời nhớ vợ cùng con
Về nhà lại nhớ đến đòn « bẹc-dê ».

Đòn « bẹc-dê », bây giờ, cũng theo sự sụp-đổ của người Pháp mà đi tây, không còn ở đất này nữa. Nhưng nếu ở đất này, những cái lưng vẫn còn là những cái lưng để chịu đánh chỉ là những cái lưng để nhận đòn, không thôi, thì luật cung cầu sẽ dạy chúng ta rằng : Khi ở một nơi nào, có thừa những cái lưng để ăn đòn thì không sợ thiếu những « ca-dui » để làm việc.

***

Luân-lý của truyện này : Hãy cách mệnh những bộ lưng. Ta hãy bắt-chước anh em yêu mà vui vẻ tiễn người đi, cũng bằng lời thơ :

Giật chiếc ca-dui ném xuống sông,
Thôi thôi tôi cũng « mét-sì » ông
Ông về nhớ hỏi « cầm ma lách » :
Quan... Đức « cà-dui » « máy móc » không ?

Cô LÝ

Ta phải chống lại...

(Tiếp theo trang 11)

không bị cái thành-kiến hẹp hòi về chủng-tộc làm cho mờ mắt. Những áng văn bất hủ của người Việt Nam sẽ được đem phiên dịch dần dần ra tiếng anh, tiếng pháp, tiếng nhật; để bày tỏ rằng nước Việt Nam là một nước văn-hiến, đã có một nền văn-minh đặc-sắc. *Và việc cần nhất là phải soạn một « cuốn sách vàng » ghi các chiến-công oanh-liệt của người mình* trong bao trận giao-tranh với Trung hoa để bảo-vệ nền độc-lập của đất nước, hay phá tan xiềng xích của kẻ ngoại xâm, cùng là những cuộc quật-cường của ta trong tám mươi năm pháp thuộc, sự hy sinh của bao nhiêu trang liệt-sĩ như Phan đình Phùng, Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, Phan bội Châu, Hoàng hoa Thám, Phan chu Trinh, Phạm hồng Thái, Nguyễn thái Học, Ký Con, Sĩ Nhu, Phó đức Chính, v.v...

Tôi lại có cái mộng - tưởng là một ngày kia, nhiều phiên ảnh mỹ-thuật của người Việt - nam tả đời sống, cùng tính - tình, phong-tục dân ta, hay nhắc lại những trang lịch - sử vẻ - vang của đất nước, sẽ chiếu trên các màn bạc có tiếng ở Viễn-đông, và bên Âu, Mỹ, dân các thành-phố Đông kinh, Ba-lê, Nữu - ước, Luân - đôn, Bá-linh, sẽ được mục-kích cảnh hai chị em Trưng - Chắc, Trưng - Nhị chiêu tập binh mã, đánh đuổi tên thái thú tham tàn, cảnh bà Triệu-Ẩu « vú dài ba thước » ngồi trên mình voi phất cờ nương - tử, hay cảnh Trần quốc Tuấn diệt quân

Mông - cổ trên giòng nước Bạch-đằng giang! Người ta sẽ diễn lại quãng đời phiêu lưu của Hoàng hoa-Thám trong rừng Yên - thế, thiên lịch-sử anh hùng và bi - đát của « Việt-nam quốc dân đảng »: những buổi hội họp bí mật trong bóng tối, hay ở một căn nhà vắng, những cuộc ám-sát mấy tên phản-đảng ở Hải phòng và vườn Bách thảo, những ngày khởi nghĩa đẫm máu mà quân địch đàn - áp bằng cách rội bom xuống Cổ-am, và đốt phá các làng vô tội. Rồi thì đến các cảnh tra-tấn rùng-rợn, dã-man trong ty mật - thám: bọn chó săn đổ chì lỏng lên bụng phạm-nhân, hay nung sắt đỏ dí vào mặt họ. Đây là một người bị xích chân xích tay, treo rốc lên sà nhà, trong khi gậy và thanh sắt đập túi bụi lên đầu, lên mặt hắn. (1) có nhà cách mệnh chết rồi còn bị chúng đem ra hành hạ: Nguyễn văn Viên đã thắt cổ chết trong hỏa lò, bọn ngục tốt pháp còn vác xác ra quật mãi ở ngoài sân ngục! Ta được thấy sự can-trường, gan dạ của các nhà cách - mệnh việt-nam: Trịnh tam Tỉnh bị tra tấn đến hai mươi ngày mà vẫn không chịu khai. Một người tên là Độ để yên cho bọn mật thám tha hồ đánh đập, không thèm rỉ răng nói nửa lời, đến nỗi đến tên ông ta, họ cũng không biết là gì. Còn một nữ-đảng-viên trong ám - sát đoàn bị chúng lột trần truồng, rồi nắm tóc, và quật mãi thật mạnh vào tường nhà. Ngay đêm hôm ấy, cô nuốt giải yếm - tự vẫn ở nhà giam (1).

Và đây là hồi cuối cùng của tấn kịch máu ấy: Các yếu - nhân trong đảng lần lượt tìm được cái chết vinh quang. Sứ Nhu bị thương nặng ở chân trong trận đánh Lâm-thao, vật mình lên hai quả lựu-đạn để tự tử « Đạn nổ Ngực vỡ, bụng vỡ, trông thấy cả gan ruột.. Nhưng anh không chết. Chúng bắt anh, băng bó lại mà khiêng đi. Dọc đường, anh nhảy xuống sông, nhưng chúng lại vớt được! Mãi đêm hôm sau, trong buồng giam, tay bị cùm, chân bị xích, anh phải tự đập vỡ đầu ra mới chết thoát thân... » Cách đấy mấy tháng, ở pháp trường Yên-bái, 13 vị liệt sĩ khác thản-nhiên bước chân lên đoạn - đầu-đài: « Phó đức Chính — theo nhời Nhượng Tống — đòi đặt mình nằm ngửa để xem lưỡi máy chém nó xuống thế nào; Nguyễn thái Học lên sau cùng, mỉm miệng cười đưa mắt nhìn công chúng, nhìn quân lính, nhìn máy chém, rồi cất giọng đĩnh đạc, trầm-hùng mà hô thật lớn bốn tiếng: « Việt-nam vạn tuế! » (Nhượng - Tống: (Tiểu sử Nguyễn thái Học » trang 128); trong khi ấy, cô Giang cố sức bình sinh giữ cho lệ khỏi tràn qua khóe mắt, nhìn lần cuối cùng người vị hôn phu của nàng sắp trả nợ nước dưới lưỡi dao của đao - phủ - thủ. Và ngày hôm sau, người ta thấy xác cô nằm ở bên đường, cạnh làng Thổ-Tang, một vết thương sâu hoắm ở thái-dương bên phải: vị nữ ái - quốc tỉnh Bắc đã lấy súng lục tự tử để chết theo Nguyễn thái Học...

Những cảnh trên màn bạc ấy chắc sẽ mãi mãi in sâu trong kỷ ức các khán giả. Như vậy, nhờ những cuốn phim, các sách tuyên truyền của ta, người ngoại quốc mới được thấy « bộ mặt bực » của bọn thực dân, mới hiểu rõ những đức tính dũng cảm, hy sinh, cùng những năng lực tinh thần và vật chất của dân tộc mình để cho-hoàn cầu biết rõ ta hơn và sẵn lòng công nhận nền độc lập của nước Việt nam, tôi tưởng không có cách nào hiệu - nghiệm hơn cách này.

VŨ BỘI LIỆU

Kỳ sau — Những khả năng của dân tộc Việt nam.

1) *Theo một bài báo viết trong ngục, mà Nguyễn thái Học định gửi cho các báo ngoại quốc. Bài ấy — theo nhời Nhượng Tống — đã đã có đăng ở một vài tờ báo bên pháp hồi ấy.*

1) *Viết theo tài liệu của Nhượng Tống, trong cuốn « Tiểu sử Nguyễn thái Học. »*

GIỚI THIỆU

Tri Tân vừa nhận được của Đắc lộ thư xã 2 quyển:

1. *Tranh vẽ làng Việt nam cũ và mới* — giá 6$00-56 bức vẽ rất có ý nghĩa của Mạnh Quỳnh.

2. *Mấy vần thơ dịch* của Phan văn Chi — giá 7$00.

3. Chúng tôi mới được tin tại Nam vang (Cao miên) sẽ ra tờ *Thời báo*, cơ quan thông tin và nghị luận ra hàng ngày.

Chúng tôi xin kính chúc bạn đồng nghiệp được trường thọ và giới thiệu với các bạn đọc.

Tri-Tân

HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGỮ

(Tiếp theo trang 15)

Ngoài cuốn « *Vần quốc ngữ* » hội đã xuất bản, trong loại thường thức được 2 quyển *Bác Hai bền* (cách ăn ở trong họ ngoài làng) của ông Hoàng đạo Thuý và cuốn « *Vệ sinh* » của ông Trịnh văn Toất —. Về loại chuyên môn hội đã xuất bản cuốn « *Phương pháp và cách thức dạy mở lòng* » và quyển « *Mấy điều cần thiết* » của ông Nguyễn hữu Đang rành cho các giáo viên của hội để chỉ dẫn các điều về tổ chức lớp học và khoa sư phạm.

Về phương diện chuyên môn, hội có tổ chức những buổi *Huấn luyện giáo viên*, có lớp *Uỷ ban tự luyện* và có lớp *Huấn luyện giám đốc*.

Về phương diện tinh thần, hội đã mở các cuộc nói chuyện để nâng cao tinh thần phấn đấu giữa các hội viên, đã tổ chức những cuộc *Trưng bầy công việc*, *Hội nghị giáo khoa toàn quốc* (29-7-1944) cùng những kỳ *Họp bạn lớn* và ngày hội *Gia đình giáo viên* để gây ảnh hưởng của hội lan sâu rộng vào các gia đình các giáo viên và dân chúng.

***

Tôi vừa phác qua trên đây các công việc của hội Truyền bá quốc ngữ từ ngày thành lập cho tới ngày 9-3-1945 là ngày chấm hết cuộc bảo hộ thâm độc của bọn thực dân Pháp.

Thời kỳ đó chúng ta có thể coi là giai đoạn khó khăn nhất của hội. Vì hội trong thời kỳ Pháp thuộc đã phải để đặt mọi hành động mọi cử chỉ để mong theo hành các công việc đã định và để tránh hết thảy các điều nghi kỵ của các nhà cầm quyền pháp trong hồi đó.

Nhiều người khó tính cho rằng trong kinh thành Thăng Long đông đúc tới trên 30 vạn người mà trong 7 năm trời hội mới giáo hóa được có trên 3 vạn người biết đọc và biết viết.

Đặt lời trách đó về hội Truyền bá quốc ngữ trong hồi đó hội, tôi tưởng hơi nghiêm khắc một chút.

Lấy công tâm mà nói chúng ta phải xét tới các sự khó khăn và các trở lực hội đã gặp trong 7 năm đầu.

Không cần nói, mọi người đều rõ người Pháp ở đây khi trước chỉ cốt thi hành chính sách ngu dân để dễ đè đầu cổng bảo ta trong công việc cai trị. Họ đã cố ý không ban hành lệ luật cưỡng bách giáo dục vì họ có dã tâm chôn vùi dân tộc ta trong đêm dày của sự dốt nát và ngu muội.

Cho hội Truyền bá quốc ngữ ra đời ngoài mặt tuy họ có vẻ nới tay khai hóa nhưng họ vẫn theo rõi từng bước một những hành vi của toàn thể hội viên để hòng có dịp gông cùm tất cả phần tử hoạt động nhất của hội trong các khám lớn. Họ nghi ngờ hội có tính cách chính trị và luôn luôn thọc gậy bánh xe để cản trở công việc của hội.

Theo điều lệ đã được họ duyệt y, mỗi khi hội mở tại một nơi nào một lớp học thì hội chỉ phải viết giấy báo trước cho viên chủ tỉnh biết và không phải xin phép nữa. Nhưng trái lại những viên chủ tỉnh đã bắt buộc phải xin phép trước khi khai giảng và còn điều tra cặn kẽ về các lý lịch của các giáo viên của hội.

Nếu không may một vài giáo viên nào bị liệt vào bảng tỉnh nghi không có tư cách để bênh xu nịnh họ, là họ làm khó dễ và nghi ngờ có tư tưởng quá khích! Bọn quan lại tham ô và bọn lý dịch dưới quyền họ tha hồ mà hống hách, mà đè nén và bóp chết sự bành trướng của hội trong dân gian.

Nhiều khi sau bao ngày chờ đợi hội mới được phép khai giảng thì một phần lớn các lý dịch ở chốn thôn quê lại kéo bè nọ đảng kia mà phá hoẳng công việc của hội. Nào hội đồng hành chính, nào ông lý, nào ông phó, ông nào cũng muốn hách dịch với các hội viên của hội để nộ nạt. Vì muốn tăng công, họ đã bịa đặt hội về quê họ cốt tuyên truyền các tư tưởng cộng sản chứ không phải cốt truyền bá quốc ngữ.

Nhiều khi vì ghét và có tư hiềm với một vài giáo viên là người làng, họ đã kéo bè kéo đảng ra nào chế riễu nào ném đá vào lớp học để người dạy phải nản lòng. Có lúc họ đã công khai cổ động các gia đình dân em không được cho con cháu tới học!

Với cái dân trí ngu muội của phần đông bọn kỳ mục kỳ nát chốn thôn ổ, sự bành trướng của hội quả đã gặp nhiều bước khó khăn chật vật.

(Xem tiếp trang 20)

VŨ PHẠM KHẢI

(Tiếp theo trang 5)

việc soạn sách ở sở Hội-điển để lấy công chuộc tội, Phan Thanh-Giản là chức Ngự-sử, đàn hặc là phận sự của mình, tuy có không đúng mấy điều, bộ Lại kết nghĩ cũng phải, nhưng nay gia ân miễn cho sự xử-phân, chỉ sức bảo cho biết, để tỏ sự hành pháp của triều đình thật là chí công chí minh, không hề thiên vị; còn bọn Học-sĩ Nguyễn-văn Siêu, Thiêm-sự Phạm hữu-Nghi, Thị-lang Phan Tĩnh và Tôn-thất-Tĩnh, Tự-khanh Trần Trở, hoặc cùng Vũ phạm-Khải bàn luận khích thành câu chuyện, hoặc tư khai trước sau không đúng, tùy theo nặng nhẹ mà xử phạt, Nguyễn văn-Siêu đổi làm giáng 4 cấp lưu, Phạm Hữu-Nghi đổi làm giáng 3 cấp lưu, Phan Tĩnh đổi làm giáng 2 cấp lưu, Tôn thất-Tĩnh đổi làm phạt bổng 1 năm, Trần Trở đổi làm phạt bổng 9 tháng. Thế là án ấy mới kết liễu.

Trước khi án thành, vua Dực-Tôn có hỏi ông Nguyễn đình-Tân rằng:

— Vũ phạm Khải sao có nhiều người không ưa thế?

Ông Nguyễn đình Tân tâu:

— Bởi Khải là người khảng khái, không a-phụ với người quyền-quý, ngay đối với thần, trước sau đều không có thái độ, xu viêm phụ nhiệt như mọi người khác, thấy ai có lỗi, lại hay bẻ thẳng ở trước mặt, vì thế nên nhiều người không ưa.

Vua gật đầu.

Sau khi phải giáng, ông Khải xin tạm nghỉ về quê viếng thăm cha mẹ.

Năm Tự đức thứ 3 (1850), Vũ Phạm Khải tuổi 44, được thăng Hộ bộ viên-ngoại-lang có chỉ vời vào kinh tựu chức. Nhưng ông Khải nghĩ vì cha mẹ tuổi già, quyến luyến không rứt ra đi được, bèn cứ xin nghỉ lần lữa mãi, sau cùng thì xin được ở nhà chăng dưỡng (1), vua chuẩn y lời xin. Nhưng không bao lâu, phát ra cái án ông vay tiền kho ở Thừa thiên chưa giả. Nguyên về năm Tự-đức nguyên niên, ở kinh-đô dịch-khí lưu hành, có nhiều người chết, quan Tham-tri Hoàng Tế Mỹ cũng mất trong đời ấy. Ông Mỹ là người làng Đông-ngạc huyện Từ liêm cùng ông Khải có mối tình thân bè bạn. Nghe ông Mỹ ốm, ông Khải đến trông nom thang thuốc chẳng nề vất vả, rồi ông Mỹ chết (2), ông Khải lại trông nom việc tang, mượn riêng tiền kho Thừa-thiên 3 trăm quan, cùng các bạn đồng liêu đưa giúp. Sau chưa giả được rồi nay việc phát lộ ra, đình nghị cách chức được Hoàng-thượng phê đổi làm cách lưu. Ông xin phép về nhà, làm một cái nhà đặt hiệu là Dưỡng-trai ở đấy để phụng thờ cha mẹ. Ông đối trước song đường bầy một tiệc lễ bái niên, nói là để tạ cái tội đăng đẳng bao năm thần hôn sơ khoáng, để tạ cái tội làm quan không biết kính cẩn chuốc lấy sự bãi-truất xấu-bỏ. Bè bạn đến dự lễ đông lắm, song đường rất là vui vẻ. Ông thờ hai thân rất kính cẩn tận lễ, sáng dậy tắt vào văn an, rồi hầu nước hầu cơm, nét mặt vui vẻ, 6, 7 năm giời trừ những buổi đi vắng, ngày nào cũng như ngày nào. Dược lúc nhàn rỗi ông lại thu dạy năm, ba kẻ học trò. Cách dạy đại khái lấy nghĩa lý làm đầu kinh điển làm chốt, mà ngoài cái học khoa cử lại thiệp lệp cả đến thế vụ có khi cùng học trò bàn luận kinh sử ông nói:

Sách Đại học nói tâm, sách Trung dung nói tính, đầu sách Luận ngữ nói sướng vui, ấy là tính vậy. Sách Mạnh tử nói nhân nghĩa, đó là tâm thống cả tính tình. Cái nghĩa của tâm, tính tình, gốc ở sách Chu dịch, rồi bộ Tứ thư lần lượt phát minh ra.

Lại rằng

— Trong kinh không có một chữ nào không có ý nghĩa, kẻ học lần từng chữ từng câu mà tìm ra nghĩa lý mới được; ngày nay người ta đọc sách thường tựa như phẩy bụi.

Đọc thiên Kim-đằng trong kinh Thư ông nói:

— Lời gièm báng thật đáng sợ thay.

(Còn nữa)

TRÚC-KHÊ

---

(1) Chăng dưỡng là nuôi cha mẹ cho đến khi cha mẹ mất.

(2) Ông Mỹ đỗ giải nguyên khoa Ất dậu (1825) đỗ hoàng giáp khoa Bính-tuất (1826), làm đến Binh bộ Tham tri, khi mất, được tặng Lễ bộ Thượng thư. Nay ông Tổng đốc tri sĩ Hoàng Huân Trung là dòng sau của ông Mỹ.

HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGỮ

(Tiếp theo trang 18)

Ngoài ra hội T B Q N chỉ là một hội học có chi mà không có thu! Vì vậy nên tài chính của hội, mặc dầu ban khánh tiết và ban cổ động đã hết lòng làm việc, vẫn thường eo hẹp và bấp bênh!

Trước giá giấy bút lên cao, trước tình thế nghiêm trọng các hội viên đều phần nhiều tản cư tiên nguyệt lãm vì vậy đã khó thu và quỹ của hội lúc này cũng gần như chiếc hòm không đáy!

***

Mặc dầu những sự khó khăn về tinh thần và về tiền tài, trong bảy năm vừa qua, với tình thế ấy mà hội đã dạy được trên 3 vạn học trò, tôi tưởng chúng ta cũng nên công bằng mà ghi công ấy của toàn thể các giáo viên của hội, đối với cuộc khai hoá của đất nước.

Trước sự hi sinh đẹp đẽ để phụng sự tổ quốc và trước tinh thần phấn đấu của anh em chị em giáo viên và của toàn thể các nhân viên trong các ban của hội Truyền bá quốc ngữ, chúng ta hãy đặt một cái mốc để treo cao tấm gương bác ái ấy của anh em chị em niên thiếu đối với người đồng chủng.

Chúng ta lấy làm cảm động thấy ở phần đông các hội viên của hội một nguồn sống dồi dào đầy sinh lực đã luôn luôn thúc giục họ quên tất cả mọi thứ để làm việc cho tôn chỉ hội để dắt đồng bào nghèo khổ ra ngoài ngục tối của ngu si.

Với kỷ nguyên mới của lịch sử sứ này từ nay ngoài vòng trói buộc, chúng ta tin rằng các phần tử quả cảm và hoạt động của hội với một phạm vi hành động rộng rãi hơn sẽ chẳng bao lâu hái được những kết quả đẹp đẽ hơn và đầy hứa hẹn hơn trước hồi pháp thuộc.

Hãy gắng lên, các bạn! Đất nước bao giờ cũng biết nhớ ơn những chiến sĩ không tên tuổi cặm cụi làm việc trong bóng tối, chỉ một lòng hy sinh cho ích công mà không hề để tâm hồn vẩn đục vì danh vì lợi.

PHẠM-MẠNH-PHAN

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

(Tiếp theo trang 7)

10. — **Chu-tam-Dị**, người xã Phù-lưu, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm ba mươi sáu tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến hàn-lâm-viện kiểm-thảo (*Đăng khoa bị khảo*, q Kinh-bắc, tờ 37 b).

11. — **Phan-Tế**, người xã Bạch-xá, huyện Duy-tiên, phủ Ly-nhân, trấn Sơn-nam. Làm nhà ở xã Nguyễn-Xá, huyện Thạch-thất, trấn Sơn-tây. Năm hai mươi tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến chức thừa-chính-sứ, tước Nam. Đến cháu là Phan Bảng nhập-tịch ở Thạch-thất, đỗ tiến-sĩ khoa 1623 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 77 a).

12. — **Đinh-Thụy**, người xã Tùng-quan (*Đăng khoa* chép là Tử-quất), huyện Đông-yên, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến hàn-lâm-viện kiểm thảo (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 62 b và Đăng-khoa-lục, q. 2, tờ 23 b).

13 — **Phạm-kinh-Bang**, người xã Thì-trung, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-Thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến giám-sát ngự-sử. Sinh ra Phạm-viết-Mậu đỗ nhị-giáp khoa 1556 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 37 b).

14. — **Lương-Nhượng**, người xã Nội-trà, (*Đăng khoa lục* chép là Nội-trừ), huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn kinh-bắc. Năm hai mươi chín tuổi, đỗ-đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến giám-sát-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc, tờ 59a, *Đăng khoa lục* chép làm đến tham-chính).

15. — **Nguyễn-Dương**, người xã Trà-lâm, huyện Siêu loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh bắc. Năm hai mươi sáu tuổi, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1529. Làm quan đến tự-khanh. Là em Nguyễn Điển đỗ nhị-giáp khoa 1535; là tụng-tổ Nguyễn-Côn đỗ tam giáp khoa 1637 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 105 b).

16. — **Nguyễn-quang-Tán**, người xã Vọng-nguyệt, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi tám tuổi, đỗ tam-giáp khoa 1529. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 23b). *Đăng-khoa bị-khảo* q. Kinh bắc, tờ 59a, chép là người xã Như-Nguyệt, và chép đỗ năm ba mươi chín tuổi. (*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý: Nguyễn-Tường-Phượng

Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi